

Bản án số: **32/2023/HS-PT**

Ngày: 23-02-2023

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lê Thị Mỹ Giang

*Các Thẩm phán:* Bà Trần Thị Bé

Ông Nguyễn Văn Năm

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Việt Trang là Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa:**  
Ông Nguyễn Huy Bình - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 02 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 44/2023/TLPT-HS ngày 28 tháng 12 năm 2022 đối với bị cáo Nguyễn Văn P do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 23/2022/HS-ST ngày 17 tháng 11 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi.

**- Bị cáo kháng cáo:**

1. Họ và tên: **Nguyễn Văn P** (Tên gọi khác: Nguyễn Hoàng L); sinh ngày 06 tháng 5 năm 1967 tại tỉnh Quảng Ngãi; nơi ĐKKTTT: Thôn VT, xã PP, thị xã ĐP, tỉnh Quảng Ngãi; chỗ ở hiện nay: Thôn T, xã ĐL, huyện MĐ, tỉnh Quảng Ngãi; nghề nghiệp: Thợ điện; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn S (Chết) và bà Huỳnh Thị T (Chết); có vợ: Nguyễn Thị H; có 02 con, sinh năm 1995 và 2004; tiền án, tiền sự: Không.

**Nhân thân:**

- Ngày 28/11/1997 bị Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi quyết định đưa vào cơ sở giáo dục, ngày 13/5/1999 chấp hành xong.

- Ngày 28/9/2005 bị Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi xử phạt 36 tháng tù về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản", ngày 24/10/2007 chấp hành xong hình phạt.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 25/01/2022 đến nay. Bị cáo đang giam, có mặt tại phiên tòa.

**- Người bào chữa:** Ông Nguyễn G – Luật sư Văn phòng luật sư Nguyễn G

thuộc Đoàn luật sư tỉnh Quảng Ngãi.

Địa chỉ: Khu dân cư 24, TTĐ, xã ĐL, huyện MĐ, tỉnh Quảng Ngãi; có mặt tại phiên tòa.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng đầu tháng 3/2015, Nguyễn Văn P nảy sinh ý định chiếm đoạt tiền của ông Phùng Quốc H nên P đến gặp ông H và đưa ra thông tin không có thật, nói với ông H là vợ chồng P sắp có tiền đền bù đất dự án nâng cấp, mở rộng quốc lộ 24. Đồng thời, P đang cần gấp số tiền lớn (Khoảng 500.000.000 đồng) để mua rẫy keo trên Ba Tơ rồi bán lại. Nếu được sẽ mua với giá khoảng 75.000.000 đồng/ha và bán lại khoảng 125.000.000 đồng/ha, tức mỗi ha sẽ lời gần 50.000.000 đồng, nhưng do tiền đền bù đất dự án nâng cấp, mở rộng quốc lộ 24 chưa nhận kịp, nên P muốn mượn ông H tiền để mua rẫy keo gấp, P hứa nếu ông H cho mượn tiền mua được rẫy keo thì khi nhận tiền đền bù đất sẽ mua tặng ông H một chiếc xe máy. Nghe vậy, ông Phùng Quốc H tin là P có tiền đền bù đất nên đồng ý cho P mượn tiền.

Ông Phùng Quốc H và Nguyễn Văn P thống nhất ông H đưa trước cho P số tiền 315.000.000 đồng, khi nào P đưa cho ông H xem các Quyết định photo đền bù đất thì ông H sẽ đưa số tiền còn lại cho P đầy đủ. Sau khi nhận số tiền 315.000.000 đồng từ ông H, nhưng không viết giấy tờ gì, nhằm tạo thêm niềm tin, Nguyễn Văn P làm giả hai Quyết định đền bù đất dự án nâng cấp, mở rộng quốc lộ 24 có tên Nguyễn Hoàng L và Nguyễn Thị H để đưa cho ông H xem, để ông H tin tưởng và tiếp tục giao tiền cho Phi.

Nguyễn Văn P tìm được hai Quyết định số 833 ngày 04/02/2013 và Quyết định số 214 ngày 18/01/2012, kèm theo bảng áp giá đền bù bản photo do Ủy ban nhân dân huyện Đức Phổ (Nay là thị xã Đức Phổ) cấp cho vợ chồng ông Phùng Quang S và bà Nguyễn Thị B ở thôn VL, PP (Ông Phùng Quang S là cha đẻ của Nguyễn Văn P) về việc vợ chồng ông Phùng Quang S và bà Nguyễn Thị B được hưởng tiền đền bù đất dự án nâng cấp, mở rộng quốc lộ 24. Sau đó, Nguyễn Văn P đem sửa chữa, cắt dán lại và phô tô thành hai Quyết định giả số 833 ngày 18/01/2015 và số 214 ngày 12/3/2015, kèm theo bảng áp giá đền bù có tên là Nguyễn Hoàng L - Nguyễn Thị H được hưởng tiền đền bù đất dự án nâng cấp, mở rộng quốc lộ 24 với tổng số tiền trong hai Quyết định là 924.796.200 đồng. Sau khi cắt dán làm giả thành hai Quyết định số 833 ngày 18/01/2015 và Quyết định số 214 ngày 12/3/2015, kèm theo bảng áp giá đền bù với nội dung có tên Nguyễn Hoàng L - Nguyễn Thị H ở VL, PP được hưởng tiền đền bù dự án nâng cấp mở rộng quốc lộ 24, Nguyễn Văn P đưa hai Quyết định này cho ông Phùng Quốc H. Ông H xem xong thì thấy số tiền đền bù trong hai Quyết định giả

này là gần một tỷ đồng nên ông H tin là P có tiền đền bù đất và giữ lại hai Quyết định photo này. Sau đó, ông H tiếp tục đưa cho P số tiền 180.000.000 đồng và nói với P còn có bao nhiêu tiền thì đưa cho P bấy nhiêu.

Sau khi nhận tiền 180.000.000 đồng thì vài ngày sau, P tiếp tục gặp nói với ông H cho P mượn thêm 50.000.000 đồng để P đưa cho vợ P là bà Nguyễn Thị H trả tiền làm nhà (Bà H không thừa nhận việc bị cáo đưa tiền làm nhà) và ông H tiếp tục đưa cho P mượn thêm 50.000.000 đồng.

Theo thông tin nội dung hai Quyết định số 833 ngày 18/01/2015 và số 214 ngày 12/3/2015, kèm theo bảng áp giá đền bù có tên Nguyễn Hoàng L - Nguyễn Thị H thì đã quá thời hạn P nhận được tiền đền bù đất nhưng P vẫn chưa trả lại tiền cho ông H nên ông H liên lạc cho P để đi cùng P nhận tiền đền bù, mục đích lấy lại số tiền đã cho mượn và lấy quà mà P đã hứa, nhưng không liên lạc được, nên ông Phùng Quốc H đến UBND xã PP hỏi thì được biết không có việc trả tiền đền bù đất dự án nâng cấp mở rộng quốc lộ 24.

Từ năm 2015 đến nay, nhiều lần ông H gặp P để hỏi P trả nợ nhưng P liên tục hứa, nhiều lần viết giấy hẹn nợ, nài ra nhiều lý do không trả được nợ nhằm chiếm đoạt số tiền của ông H và thực tế cho đến nay P chưa trả lại số tiền trên cho ông Hoàng. Đến tháng 4/2021, ông Phùng Quốc H làm đơn tố giác đến Cơ quan Công an.

Ngoài ra, trước năm 2015 Nguyễn Văn P nhiều lần mượn tiền ông Phùng Quốc H ở thôn T, xã DL, huyện MĐ, tỉnh Quảng Ngãi để tiêu xài cho bản thân và gia đình với tổng số tiền là 55.000.000 đồng, đến nay vẫn chưa trả cho ông H.

*Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 23/2022/HS-ST ngày 17/11/2022, Tòa án nhân dân huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi quyết định:*

Căn cứ vào Điều 260, khoản 1 Điều 268, các Điều 298, 331 và 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 3 Điều 174; điểm x khoản 1, 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự.

Tuyên xử:

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn P phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

2. Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn P 10 (Mười) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 25/01/2022.

3. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 30 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Điều 48 Bộ luật hình sự; các Điều 463, 469, 584, 585 và 589 Bộ luật dân sự năm 2015; buộc bị cáo Nguyễn Văn P bồi thường thiệt hại cho ông Phùng Quốc H số tiền 495.000.000 đồng; buộc bị cáo phải trả cho ông Phùng Quốc H số tiền 105.000.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền 25.000.000 đồng mà

gia đình của bị cáo đã nộp thay cho bị cáo tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi theo biên lai thu tiền số 0000017 ngày 22/9/2022.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 30/11/2022 bị cáo Nguyễn Văn P kháng cáo kêu oan, yêu cầu hủy bản án sơ thẩm để xét xử lại.

*Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án:*

Bị cáo Nguyễn Văn P lợi dụng mối quan hệ quen biết với bị hại Phùng Quốc H sau đó đưa ra thông tin gian dối là vợ chồng bị cáo sắp có tiền đền bù đất dự án nâng cấp, mở rộng quốc lộ 24 và đang cần gấp số tiền lớn để mua rẫy keo trên Ba Tơ, nhưng do tiền đền bù đất dự án nêu trên chưa nhận kịp nên muốn mượn ông H tiền để mua rẫy keo gấp, bị cáo còn hứa nếu ông H cho mượn tiền mua được rẫy keo thì khi nhận tiền đền bù đất sẽ mua tặng ông H một chiếc xe máy. Để ông H tin tưởng cho mượn tiền, bị cáo đã tự làm giả 02 Quyết định đền bù để tạo lòng tin với ông H. Căn cứ vào thông tin và 02 Quyết định đền bù giả của bị cáo nên ông H tin tưởng việc bị cáo có tiền bồi thường là thật nên đã đưa cho bị cáo mượn số tiền 495.000.000đồng và bị bị cáo chiếm đoạt số tiền này.

Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm tuyên bố bị cáo phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 3 Điều 174 Bộ luật hình sự và xử phạt bị cáo 10 năm tù là đúng người, đúng tội.

Quá trình điều tra ban đầu, bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, các tài liệu, chứng cứ được thu thập hoàn toàn phù hợp với lời khai của bị cáo và của bị hại, do đó, việc bị cáo thay đổi lời khai, không thừa nhận hành vi phạm tội của mình tại phiên tòa là không có căn cứ để được chấp nhận. Theo đó, không có cơ sở để chấp nhận kháng cáo đề nghị hủy bản án sơ thẩm của bị cáo Nguyễn Văn P.

Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự, không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm.

*Ý kiến của người bào chữa cho bị cáo tại phiên tòa:*

Về tố tụng: Trong giai đoạn điều tra và truy tố có sự vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, cụ thể:

- Có các biên bản hỏi cung bị can, biên bản ghi lời khai bị hại được đánh máy nội dung, nhưng thời gian bắt đầu và kết thúc đều ghi bằng bút mực, tức là ghi sau khi biên bản đã được in ra nên việc thu thập tài liệu chứng cứ chưa thể hiện sự khách quan. Ngoài ra, một số biên bản làm việc có sự sửa chữa thời gian bắt đầu và kết thúc hoặc chỉ có thời gian bắt đầu mà không có thời gian kết thúc.

- Ngày 02/6/2022 Luật sư có văn bản đề nghị Viện kiểm sát tiến hành làm thủ tục giám định tuổi mực của giấy viết vay mượn nợ để xác định thời gian viết văn bản mượn nợ này nhưng Viện kiểm sát không thực hiện là đã vi phạm khoản 1, 2 Điều 214 của Bộ luật tố tụng hình sự và cũng không thông báo cho Luật sư là có thực hiện việc giám định hay không, kết quả giám định nếu có.

- Cần làm rõ giọng nói của người nam trong đoạn ghi âm, vì nếu là ông H thì không thể có việc bị cáo nợ ông H 600.000.000 đồng nhưng ông H chỉ yêu cầu bị cáo trả 300.000.000 đồng, để có cơ sở xác định số tiền gốc và tiền lãi trong các khoản vay mượn.

- Về thời gian vay mượn nợ: Theo giấy vay mượn mà bị cáo viết vào ngày 11/9/2016 thể hiện việc vay mượn giữa bị cáo và bị hại là từ ngày 10/02/2014 đến ngày 10/3/2014 mượn 550.000.000 đồng. Trước khi bị cáo đưa 02 Quyết định cho ông H, ông H đã đồng ý cho bị cáo mượn tiền. Ngoài ra, tại biên bản ghi lời khai ngày 16/9/2021 ông H khai khi cho bị cáo P mượn tiền có viết giấy mượn số tiền 495.000.000 đồng nhưng Cơ quan điều tra không thu thập được giấy mượn tiền này là không đầy đủ.

Từ những phân tích nêu trên, thấy rằng Cơ quan tiến hành tố tụng không thực hiện đúng quy định tại Điều 73; Điều 85; Điều 133; khoản 1, 2 Điều 214; khoản 1 Điều 280 Bộ luật tố tụng hình sự và Thông tư liên tịch số 02/2017/TTLT-VKSNDTC-TANDTC-BCA-BQP ngày 22/12/2017 về trả hồ sơ điều tra bổ sung. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1, 2 Điều 358 Bộ luật tố tụng hình sự tuyên hủy toàn bộ bản án sơ thẩm để điều tra, xét xử lại.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Người bào chữa của bị cáo cho rằng Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát trong quá trình giải quyết vụ án đã vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[1.1] Căn cứ hướng dẫn sử dụng Biểu mẫu số 139, 140 ban hành kèm theo Thông tư số 119/2021/TT-BCA ngày 08/12/2021 của Bộ Công an thì các biên bản này có thể được viết tay hoặc đánh máy. Việc đánh máy Biên bản và ghi thời gian bắt đầu, thời gian kết thúc bằng bút mực không vi phạm hướng dẫn về biểu mẫu cũng như các quy định khác của Bộ luật tố tụng hình sự.

[1.2] Căn cứ quy định tại điểm o khoản 1 Điều 4 Bộ luật Tố tụng hình sự giải thích thì việc cơ quan, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng trong quá trình khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử không thực hiện hoặc thực hiện không đúng, không đầy đủ các trình tự, thủ tục do Bộ luật tố tụng hình sự quy định và đã xâm hại nghiêm trọng đến quyền, lợi ích hợp pháp của người tham

gia tố tụng hoặc làm ảnh hưởng đến việc xác định sự thật khách quan, toàn diện của vụ án, thì mới được xem là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng. Trong vụ án này, luật sư cho rằng có một số biên bản làm việc, biên bản giải thích về trợ giúp pháp lý,... có sự sửa chữa thời gian bắt đầu và kết thúc hoặc chỉ có thời gian bắt đầu mà không có thời gian kết thúc, xét thấy đây là việc Cơ quan điều tra sai sót, cần khắc phục. Tuy nhiên trong hồ sơ vụ án còn nhiều tài liệu, chứng cứ khác được thực hiện đảm bảo quy định pháp luật, đủ cơ sở xác định sự thật khách quan của vụ án. Vì vậy, những sai sót này không xâm hại nghiêm trọng đến quyền, lợi ích hợp pháp của người tham gia tố tụng hoặc làm ảnh hưởng đến việc xác định sự thật khách quan, toàn diện của vụ án nên không vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng.

[1.3] Đối với việc bị cáo, người bào chữa của bị cáo yêu cầu giám định tuổi mực trên các giấy mượn tiền và giám định nội dung file ghi âm do bà Nguyễn Thị H là vợ bị cáo cung cấp: Tại hồ sơ vụ án không có tài liệu, chứng cứ nào chứng minh ngày 02/6/2022 luật sư có văn bản đề nghị Viện kiểm sát tiến hành làm thủ tục giám định tuổi mực của giấy viết vay mượn nợ. Tại Biên bản hỏi cung bị can ngày 06/6/2022 của Viện kiểm nhân dân huyện Mộ Đức, có luật sư Nguyễn G cùng tham gia hỏi cung, bị cáo xác định không có yêu cầu giám định nội dung gì (Bút lục 326). Vì vậy, việc luật sư cho rằng có yêu cầu Viện kiểm sát giám định tuổi mực văn bản mượn nợ nhưng Viện Kiểm sát không thực hiện là không có căn cứ.

Mặt khác, cả bị cáo và bị hại đều thừa nhận, hai lần ông H đưa tiền cho bị cáo đều không viết giấy tờ gì, sau đó bị cáo không trả tiền nên ông H yêu cầu bị cáo viết giấy mượn tiền số tiền 550.000.000 đồng (Bao gồm 55.000.000 đồng mượn trước đó và 495.000.000 đồng) thành một giấy mượn. Sau nhiều lần viết giấy hẹn nợ cho ông H nhưng không trả tiền, bị cáo tiếp tục viết giấy nợ gộp số tiền 550.000.000 đồng và số tiền 50.000.000 đồng mượn thêm sau đó, thành giấy mượn tiền 600.000.000 đồng. Như vậy, lời khai của bị cáo và bị hại không có mâu thuẫn với nhau về thời điểm viết giấy mượn tiền, nên không cần thiết giám định tuổi mực để xác định giấy mượn tiền được viết khi nào.

Đối với file ghi âm do vợ bị cáo cung cấp không có nội dung gì chứng minh về khoản tiền vay mượn giữa bị cáo với bị hại. Do đó, việc giám định nội dung file ghi âm là không cần thiết, không làm thay đổi bản chất nội dung vụ án.

## [2] Xét hành vi của bị cáo Nguyễn Văn P:

[2.1] Căn cứ các Bản tự khai/Bản tường trình ngày 15/02/2022 và ngày 22/3/2022 của bị cáo (Bút lục số 187-188); các Biên bản hỏi cung bị can ngày 25/3/2022, ngày 12/5/2022 (Bút lục số 181-186) có luật sư Nguyễn G, là người bào chữa cho bị cáo tham gia, bị cáo khai nhận: Trước đây bị cáo khai báo rõ với Cơ quan điều tra nội dung, diễn biến về việc lừa đảo chiếm đoạt tài sản của ông Phùng Quốc H số tiền 495.000.000 đồng. Nay không thay đổi hay

bổ sung gì, xin tiếp tục khai báo cụ thể như sau: Vào khoảng tháng 3/2015, do cần tiền tiêu xài, nên bị cáo Nguyễn Văn P nảy sinh ý định lừa đảo chiếm đoạt tài sản của ông Phùng Quốc H, để thực hiện hành vi, bị cáo đưa ra thông tin gian dối như: Gia đình bị cáo được đền bù đất dự án nâng cấp, mở rộng quốc lộ 24; bị cáo đang cần gấp số tiền lớn mua rẫy keo trên Ba Tư để bán lại kiếm lời; bị cáo muốn mượn tiền của ông H để mua rẫy keo, khi nhận tiền đền bù đất bị cáo sẽ trả lại tiền cho ông H và mua tặng ông H một chiếc xe máy. Sau đó khoảng 2 đến 3 ngày thì ông H điện thoại cho bị cáo, hai bên thống nhất ông H đưa trước cho bị cáo P 315.000.000 đồng, khi nào bị cáo đưa quyết định cho ông H xem thì ông H sẽ đưa đủ tiền. Sau khi nhận 315.000.000 đồng từ ông Hoàng, để ông H thêm tin tưởng, bị cáo đã cắt ghép, làm giả bản phô tô hai Quyết định số 833 ngày 18/01/2015 và số 214 ngày 12/3/2015, kèm theo bảng áp giá đền bù có tên là Nguyễn Hoàng L - Nguyễn Thị H được hưởng tiền đền bù đất dự án nâng cấp, mở rộng quốc lộ 24 với tổng số tiền trong hai Quyết định là 924.796.200 đồng để đưa cho ông H xem, thì ông H tiếp tục đưa cho bị cáo mượn thêm 180.000.000 đồng. Tổng cộng ông Phùng Quốc H đã đưa tiền cho bị cáo 02 lần là 495.000.000 đồng. Thời điểm ông H đưa tiền cho bị cáo 02 lần đều không viết giấy tờ gì. Đến tháng 9/2015 bị cáo P mới viết giấy nợ tiền cho ông H, cộng với số tiền 55.000.000 đồng bị cáo mượn trước đó thành 550.000.000 đồng. Số tiền này không có tiền lãi, chỉ có tiền gốc.

Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai bị hại Phùng Quốc H có tại hồ sơ vụ án.

[2.2] Tại Biên bản hỏi cung bị can ngày 06/6/2022 của Viện kiểm nhân dân huyện Mộ Đức, có luật sư Nguyễn G cùng tham gia hỏi cung, bị cáo khai: *“Tất cả lời khai trong giai đoạn điều tra là đúng sự thật; đúng thực tế khách quan và đúng với diễn biến nội dung vụ việc”* (Bút lục 324); *“Tôi xin rút lại nội dung đã khai với luật sư vào ngày 31/5/2022, tại biên bản làm việc này tôi khai như vậy là nhằm lẫn”* (Bút lục 325); *“Tất cả lời khai trong quá trình điều tra là đúng sự thật và chính xác, còn nội dung tôi khai với luật sư tại buổi làm việc vào ngày 31/5/2022 (có nội dung trái ngược với lời khai tại giai đoạn điều tra) là không đúng, không chính xác, lý do tôi khai với luật sư vào ngày 31/5/2022 là do tôi sợ bị hình phạt nặng, tuy nhiên tôi thấy hành vi tôi sai trái nên tôi khai lại hôm nay cho đúng sự thật”* (Bút lục 326); *“Những nội dung tôi khai với luật sư ngày 31/5/2022 là do tôi nghĩ ra chứ không có chứng cứ nào để chứng minh”* (Bút lục 326);

[2.3] Như vậy, tại phiên tòa sơ thẩm, phúc thẩm bị cáo thay đổi lời khai, bị cáo cho rằng chỉ mượn của ông Phùng Quốc H số tiền 105.000.000 đồng, số tiền theo giấy nợ 550.000.000 đồng là bao gồm tiền gốc 105.000.000 đồng và tiền lãi là không có căn cứ chấp nhận. Hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều

174 Bộ luật hình sự, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

[3] Từ các phân tích nêu trên, xét thấy kháng cáo kêu oan của bị cáo là không có căn cứ. Vì vậy Hội đồng xét xử không chấp nhận nội dung kháng cáo của bị cáo.

[4] Đối với số tiền 25.000.000 đồng gia đình bị cáo nộp thay cho bị cáo theo biên lai thu tiền số 0000017 ngày 22/9/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mộ Đức. Bị cáo khẳng định, đây là tiền gia đình bị cáo nộp để trả tiền vay mượn dân sự của ông Phùng Quốc H. Vì bị cáo không phạm tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản nên không phải bồi thường thiệt hại. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm không áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự cho bị cáo là đúng pháp luật. Tuy nhiên, cần tạm giữ số tiền này để đảm bảo thi hành án.

[5] Đối với số tiền 105.000.000 đồng (Gồm 55.000.000 đồng bị cáo mượn nhiều lần của ông Phùng Quốc H từ tháng 02/2014 đến tháng 02/2015 và số tiền 50.000.000 đồng bị cáo mượn của ông H sau khi chiếm đoạt số tiền 495.000.000 đồng): Đây là khoản tiền bị cáo vay mượn của ông H không có sự gian dối, bị cáo không lừa đảo chiếm đoạt số tiền này nên không xem xét trong vụ án, trường hợp ông H có yêu cầu có thể khởi kiện bằng một vụ án dân sự khác để được giải quyết. Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm lại buộc bị cáo phải trả cho ông Phùng Quốc H số tiền 105.000.000 đồng trong cùng vụ án này là không đúng quy định tại khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự. Vì vậy, cần sửa phần dân sự của bản án sơ thẩm.

[6] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Đề nghị của người bào chữa không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Bị cáo Nguyễn Văn P là con Liệt sĩ và có đơn xin miễn án phí nên được miễn án phí hình sự phúc thẩm.

[9] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 355; điểm d khoản 1 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự. Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.



Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn P. Giữ nguyên phần hình phạt và sửa phần dân sự của Bản án hình sự sơ thẩm số 23/2022/HS-ST ngày 17/11/2022 của Tòa án nhân dân huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi.

1. Áp dụng: Điểm a khoản 3 Điều 174; điểm x khoản 1, 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn P 10 (Mười) năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam 25/01/2022.

2. Về phần dân sự:

Áp dụng: Khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự; khoản 1 Điều 584; Điều 585; khoản 1 Điều 586; Điều 589 Bộ luật dân sự.

Buộc bị cáo Nguyễn Văn P phải trả lại cho ông Phùng Quốc H số tiền 495.000.000 (Bốn trăm chín mươi lăm triệu) đồng.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, người phải thi hành án chậm thi hành thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải trả cho người được thi hành án khoản tiền lãi suất theo qui định tại Điều 357 Bộ luật dân sự 2015 tương ứng với khoản tiền và thời gian chậm thi hành án, cho đến khi thi hành xong bản án.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Về xử lý vật chứng: Tiếp tục tạm giữ số tiền 25.000.000 (Hai mươi lăm triệu) đồng theo biên lai thu tiền số 0000017 ngày 22/9/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mộ Đức để đảm bảo thi hành án.

4. Về án phí: Miễn án phí hình sự phúc thẩm cho bị cáo Nguyễn Văn P.

5. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

6. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận:***

- VKSND tỉnh Quảng Ngãi;
- Sở Tư pháp tỉnh Quảng Ngãi;
- CA, TAND huyện Mộ Đức;
- VKSND, THADS huyện Mộ Đức;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người bào chữa;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**  
*(Đã ký)*

**Lê Thị Mỹ Giang**